

Bản án số: 45/2019/DS-ST

Ngày: 29/11/2019.

V/v : "Tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L - TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Minh Huệ**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Võ Chí Công** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Mỹ L** - sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Thanh H** – sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Phước Thọ, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Vợ chồng ông **Phạm Lê Trần Nhật L** - sinh năm 1986 và bà **Nguyễn Thị Mỹ L** – sinh năm 1986. Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Số 168/14 đường Trương Vĩnh Ký, khu phố 4, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01.4.2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh H trình bày:

Năm 2018, vợ chồng ông Phạm Lê Trần Nhật L và bà Nguyễn Thị Mỹ L vay tiền của bà Phạm Thị Mỹ L nhiều lần để làm ăn, cụ thể như sau:

Ngày 24.6.2018, vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), không xác định thời hạn;

Ngày 10.7.2018, vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng;

Ngày 26.7.2018, vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), không xác định thời hạn;

Ngày 28.7.2018, vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng;

Ngày 30.7.2018, vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng;

Ngày 09.10.2018, vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng;

Tổng cộng số tiền 06 lần bị đơn vay là 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng). Mỗi lần vay tiền, vợ chồng ông bà L đều viết giấy mượn tiền hoặc hợp đồng vay tiền, có ký nhận và giao nguyên đơn giữ.

Các khoản nợ trên đã đến hạn thanh toán nhưng vợ chồng ông bà L vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn, mặc dù đã đòi nhiều lần.

Nay, nguyên đơn yêu cầu buộc vợ chồng ông bà L phải trả cho nguyên đơn số tiền 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) và trả tiền lãi nợ quá hạn trên từng khoản nợ vay theo mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83 %/tháng, cụ thể:

-Đối với khoản vay ngày 10.7.2018: Thời hạn chậm thanh toán tính từ ngày 11.10.2018 đến ngày 29.11.2019 là 13 tháng 18 ngày:

Tiền lãi nợ quá hạn: $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \% \times 13 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 6.772.080 \text{ đồng}$

-Đối với khoản vay ngày 28.7.2018: Thời hạn chậm thanh toán tính từ ngày 29.10.2018 đến ngày 29.11.2019 là 13 tháng:

Tiền lãi nợ quá hạn: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \% \times 13 \text{ tháng} = 5.395.000 \text{ đồng}$.

-Đối với khoản vay ngày 30.7.2018: Thời hạn chậm thanh toán tính từ ngày 31.10.2018 đến ngày 29.11.2019 là 12 tháng 29 ngày:

Tiền lãi nợ quá hạn: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \% \times 12 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 5.380.200 \text{ đồng}$.

-Đối với khoản vay ngày 09.10.2018: Thời hạn chậm thanh toán tính từ ngày 10.01.2019 đến ngày 29.11.2019 là 10 tháng 19 ngày :

Tiền lãi nợ quá hạn: 100.000.000 đồng x 0,83 % x 10 tháng 19 ngày = 8.824.400 đồng.

Tổng cộng tiền lãi nợ quá hạn là: 26.371.680 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi nợ quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông bà L phải trả là: 366.371.680 đồng.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vợ chồng ông Phạm Lê Trần Nhật L và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Quá trình giải quyết, Tòa án có triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không chấp hành. Qua xác minh thực tế tại địa phương thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số 168/14 đường Trương Vĩnh Ký, khu phố 4, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nhưng bà Nguyễn Thị Mỹ L đã bỏ đi khỏi địa phương. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về thời hạn thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc vợ chồng ông Phạm Lê Trần Nhật L và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải cùng liên đới trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền gốc và lãi là 366.371.680 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 340.000.000 đồng và tiền lãi là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 340.000.000 đồng gốc và tiền lãi theo giấy mượn tiền và hợp đồng vay tiền lập trong năm 2018. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tờ giấy mượn tiền lập trong năm 2018, tổng cộng số tiền 340.000.000 đồng, cụ thể: Giấy mượn tiền ngày 24.6.2018, bị đơn vay 60.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất và không xác định thời hạn trả; Giấy mượn tiền ngày 10.7.2018, bị đơn vay 60.000.000 đồng, để làm ăn, thời hạn vay 03 tháng, không thể hiện lãi suất, có thể hiện sẽ trả tiền lãi nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất bao nhiêu; Tờ giấy ngày 26.7.2018, bị đơn mượn số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 2%, không xác định thời hạn trả; Hợp đồng cho vay tiền ngày 28.7.2018, bị đơn vay 50.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay 03 tháng, không thể hiện lãi suất; Hợp đồng cho vay tiền ngày 30.7.2018, bị đơn vay 50.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay 03 tháng, không thể hiện lãi suất; Hợp đồng cho vay tiền ngày 09.10.2018, bị đơn vay 100.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay 03 tháng, không thể hiện lãi suất. Tất cả 06 lần vay tiền đều có chữ ký và chữ viết của vợ chồng bị đơn là ông Phạm Lê Trần Nhật L và bà Nguyễn Thị Mỹ L. Qua xác minh thực tế tại địa phương thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số 168/14 đường Trương Vĩnh Ký, khu phố 4, phường Phước Lộc, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, nhưng bà Nguyễn Thị Mỹ Linh đã bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục đối với bị đơn theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không lý do. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc vợ chồng ông Phạm Lê Trần Nhật L và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) là phù hợp.

[5] Về lãi suất: Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất nợ quá hạn đối với 04 khoản vay có thời hạn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83 %/tháng là phù hợp và có căn cứ để chấp nhận, cụ thể:

-Đối với khoản vay ngày 10.7.2018: Thời hạn chậm thanh toán tính từ ngày 11.10.2018 đến ngày 29.11.2019 là 13 tháng 18 ngày: $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \% \times 13 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 6.772.080 \text{ đồng}$.

-Đối với khoản vay ngày 28.7.2018: Thời hạn chậm thanh toán tính từ ngày 29.10.2018 đến ngày 29.11.2019 là 13 tháng: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \% \times 13 \text{ tháng} = 5.395.000 \text{ đồng}$.

-Đối với khoản vay ngày 30.7.2018: thời hạn chậm thanh toán tính từ ngày 31.10.2018 đến ngày 29.11.2019 là 12 tháng 29 ngày: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \% \times 12 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 5.380.200 \text{ đồng}$.

-Đối với khoản vay ngày 09.10.2018: thời hạn chậm thanh toán tính từ ngày 10.01.2019 đến ngày 29.11.2019 là 10 tháng 19 ngày: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \% \times 10 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 8.824.400 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi là: 26.371.680 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 340.000.000 đồng + 26.371.680 đồng = 366.371.680 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

[6] Về án phí: Vợ chồng ông Phạm Lê Trần Nhật L và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Mỹ L theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc vợ chồng ông Phạm Lê Trần Nhật L và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải cùng liên đới trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền 366.371.680 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

2. Án phí:

Vợ chồng ông Phạm Lê Trần Nhật L và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 18.318.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm mười tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền 8.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022277 ngày 23.5.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29.11.2019). Riêng bị đơn được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.L;
- Chi cục THADS.tx.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn